

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 17-5-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu.
2. Bà Nguyễn Thị Kim Phi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Quốc Khanh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 391/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Nguyễn Gia L, sinh năm 1980; HKTT: Số 30, khu phố A, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1983; HKTT: Số 30, khu phố A, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn đề ngày 22/11/2021, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn (ông L) trình bày:*

Ông L và bà T chung sống với nhau từ năm 2009, hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương ngày 31/8/2009.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi vã nhau, cuộc sống hôn nhân không còn tình cảm, không có hạnh

phúc. Ông L và bà T không còn chung sống với nhau từ năm 2016 cho đến nay. Vì vậy, ông L làm đơn xin ly hôn với bà T.

- Về con chung: có 01 con chung tên Phạm Nguyễn Trọng T1, sinh ngày 21/5/2011. Ông L yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, ông L không có ý kiến gì khác.

** Trong quá trình tố tụng để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp luật để báo cho bà Nguyễn Thị Thanh T biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng bà T vẫn vắng mặt không có lý do.*

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Phạm Nguyễn Gia L khởi kiện bà Nguyễn Thị Thanh T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bà T có nơi cư trú tại khu phố A, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng bà T theo Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn (ông L)

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông L và bà T chung sống với nhau từ năm 2009, hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương ngày 31/8/2009. Do đó đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về mâu thuẫn hôn nhân: Ông L cho rằng ông và bà T thường bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã nhau, cuộc sống hôn nhân không còn tình cảm, không có hạnh phúc. Ông và bà T không còn chung sống với nhau từ năm 2016 cho đến nay. Vì vậy, ông L làm đơn xin ly hôn với bà T. Trước yêu cầu xin ly

hôn của ông L thì Tòa án đã tiến hành triệu tập bà T nhiều lần đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà T vẫn không có mặt, điều này cho thấy bà T không còn muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời, theo biên bản xác minh ngày 05/01/2022 thì nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông L và bà T địa phương không rõ, nhưng từ năm 2016 đến nay thì ông L và bà T không còn chung sống với nhau. Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững, thế nhưng cuộc sống vợ chồng giữa ông L và bà T không đạt được những điều đó. Nên yêu cầu xin ly hôn của ông L là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông L và bà T có 01 con chung tên Phạm Nguyễn Trọng T1, sinh ngày 21/5/2011. Ông L yêu cầu nuôi con và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Theo biên bản xác minh ngày 05/01/2022 thì từ năm 2016 bà T bỏ đi thì con chung được ông L chăm sóc nuôi dưỡng. Đồng thời tòa án có tham khảo ý kiến của cháu T1 thì nguyện vọng của cháu là được sống với cha. Do đó để tránh làm xáo trộn cuộc sống của cháu T1 nên giao cháu T1 cho ông L chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông L không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Tài sản chung, nợ chung: Ông L không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 9, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Nguyễn Gia L đối với bà Nguyễn Thị Thanh T về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Nguyễn Gia L được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh T.

2. Về con chung: Giao cho ông Phạm Nguyễn Gia L trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phạm Nguyễn Trọng T1, sinh ngày 21/5/2011.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông L không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Ông Phạm Nguyễn Gia L chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà ông L đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0007010 ngày 16 tháng 12 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Thùy Linh